

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh Dũng

Bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Nguyễn Hoàng Đức – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Y, sinh năm: 1984; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: TDP F, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đặng Văn B, sinh năm: 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: TDP 6, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa Liên bang Đ. (Có ý kiến xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Y và anh Đặng Văn B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2008 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà chồng được một thời gian ngắn. Khoảng cuối năm 2009 anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và sau đó xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ, đến nay mới chỉ về nước một lần. Từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không chung sống cùng nhau dẫn tới tình cảm phai nhạt và dần dần không còn nữa, vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã; vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Hiện nay chị Y nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đoàn Thị Y đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn B.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009. Hiện con đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh Đặng Văn B. Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận sẽ giao con chung cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh B đi xuất khẩu lao động, vợ chồng thỏa thuận việc anh B sẽ nhờ bố mẹ đẻ tiếp tục chăm sóc con chung cho đến khi anh B về Việt Nam. Việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đoàn Thị Y đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, hiện nay chị Y đang lao động tự do, không chủ động thời gian làm việc nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với anh Đặng Văn B thông qua cuộc gọi video có hình ảnh với tài khoản Facebook của anh B là “Tuan Bao” (do chị Đoàn Thị Y cung cấp thông tin) tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Bị đơn anh Đặng Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh B cũng thống nhất với nội dung khởi kiện, của chị Đoàn Thị Y. Theo anh B, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn đến khoảng năm 2010-2011 thì anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và sau đó là Cộng hòa Liên bang Đ. Từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng xa cách nhau, không có điều kiện chăm sóc lẫn nhau dẫn tới tình cảm phai nhạt. Anh B cũng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Đoàn Thị Y yêu cầu ly hôn thì anh B cũng đồng ý.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009. Hiện con đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh B là ông Đặng C và bà Trần Thị Tam. Khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong thời gian anh B đi xuất khẩu lao động, vợ chồng thỏa thuận việc anh B sẽ gửi tiền về nhờ bố mẹ đẻ là ông Đặng C và bà Trần Thị T tiếp tục chăm sóc con chung cho đến khi anh B về Việt Nam. Anh B không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đặng Văn B xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Đặng Văn B không thể về Việt Nam giải quyết ly hôn, không cung cấp được địa chỉ tại nước Đ nên có ý kiến xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Đặng C và bà Trần Thị T thực hiện việc giao nhận các tài liệu, văn bản tố tụng với Tòa án thay anh.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện, cháu Đặng Tuấn B1 có đơn trình bày nguyện vọng về việc nếu vợ chồng chị Đoàn Thị Y và anh Đặng Văn B ly hôn thì cháu B1 có nguyện vọng được sống với bố. Ông Đặng C và bà Trần Thị T cũng có văn bản trình bày có xác nhận của chính quyền địa phương với nội dung chấp nhận việc ủy quyền giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng của anh Đặng Văn B, cam kết sẽ thông báo lại kịp thời nội dung các tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án để anh B được biết và tự nguyện thay anh B chăm sóc con chung của vợ chồng là cháu Đặng Tuấn B1 cho đến khi anh B về Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm b tiểu mục 2.1 mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Y. Xử cho chị Đoàn Thị Y được ly hôn với anh Đặng Văn B.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009 cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Hai bên không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nên không xem xét. Trong thời gian anh Đặng Văn B đi xuất khẩu lao động, ông Đặng C và bà Trần Thị T (bố mẹ đẻ của anh B) tự nguyện thay anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Tuấn B1.

Về nợ chung, tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Y phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đoàn Thị Y và anh Đặng Văn B đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh

Hà Tĩnh. Nay chị Đoàn Thị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn B. Tại Công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 34883/QLXNC-P3 ngày 25/12/2023 của Cục Q - Bộ C1, xác nhận: anh Đặng Văn B, sinh ngày: 20/5/1980; số hộ chiếu: B9974127; hộ khẩu thường trú: TDP F, phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 12/03/2015, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ các Điều 28, 37, 39; nội dung khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đặng Văn B hiện đang sinh sống, lao động tự do tại nước Đức, không cung cấp địa chỉ và thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc nên anh B yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Y, anh B theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đoàn Thị Y và anh Đặng Văn B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2008 tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà chồng được một thời gian ngắn. Khoảng cuối năm 2009 anh B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, sau đó xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ và đến nay mới chỉ về nước một lần. Từ đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không chung sống cùng nhau dẫn tới tình cảm phai nhạt và dần dần không còn nữa, vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã; vợ chồng đã ly thân từ năm 2017. Hiện nay chị Y nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đoàn Thị Y đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đặng Văn B. Anh Đặng Văn B xác nhận những nội dung về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng là đúng và thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nữa nên việc chị Y xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh B là có xảy ra trên thực tế và đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm, trách nhiệm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Y yêu cầu được ly hôn với anh B là có căn cứ và phù hợp. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, cho chị Y và anh B ly hôn.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009. Cả chị Y và anh B đều thống nhất giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Bản thân cháu Đặng Tuấn B1 cũng có đơn trình bày ý kiến với nội dung nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với bố Đặng Văn B. Xét thấy việc thỏa thuận của hai vợ chồng và ý kiến của cháu B1 là tự nguyện nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận

này cũng như ý kiến của cháu B1. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009 cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận, ý kiến của các bên.

Trong thời gian anh Đặng Văn B đi xuất khẩu lao động, ông Đặng C và bà Trần Thị T (bố mẹ đẻ của anh Đặng Văn B) tự nguyện thay anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Tuấn B1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y, anh Bằng k yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Y, anh B xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Đoàn Thị Y. Cho chị Đoàn Thị Y và anh Đặng Văn B ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Tuấn B1, sinh ngày: 27/8/2009 cho anh Đặng Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên. Trong thời gian anh Đặng Văn B đi xuất khẩu lao động, ông Đặng C và bà Trần Thị T (bố mẹ đẻ của anh Đặng Văn B) tự nguyện thay anh B chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Tuấn B1.

Chị Đoàn Thị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000724 ngày 28/11/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Sơn Hồng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh;
- Đường sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tùng